

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 132/2018/HS-ST

Ngày: 21-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thùy My

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2018/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐ-HSST ngày 10/9/2018, đối với các bị cáo:

1. Võ Bích T, sinh năm 1958 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc S (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1960; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

2. Nguyễn Thị C (tên gọi khác: N), sinh năm 1984 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1954; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1977; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

3. Đặng Xuân C1, sinh năm 1976 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hạnh P, sinh năm 1953 và bà Lê Thanh X, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1977; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

4. Võ Văn V1, sinh năm 1963 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D và bà Nguyễn Ngọc S; bị cáo có vợ là Lê Thị R, sinh năm 1968; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

5. Nguyễn Hồng T1 (tên gọi khác: O), sinh năm 1992 tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, thị xã B, tỉnh B. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1994; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2018 đến ngày 25/5/2018 được tại ngoại để điều tra, có mặt.

6. Nguyễn Đức L (tên gọi khác: T2), sinh năm 1971 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Khu 9, phường T, thành phố T, tỉnh B. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1944 và bà Lê Thị C (đã chết); bị cáo có vợ là Châu Mộng T, sinh năm 1969; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 29 tháng 18 ngày về tội: “Đánh bạc” theo Bản án số 94/2010/HSST, đã chấp hành xong án phí ngày 03/7/2015. Ngày 23/01/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc” theo Bản án số 20/2014/HSST, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2014, chấp hành xong án phí ngày 21/3/2014. Ngày 05/9/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T khởi tố về tội: “Đánh bạc” và được tại ngoại để điều tra; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2018 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp G, xã A, thị xã B, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1, Đặng Xuân C1 là bạn bè với nhau. Võ Bích T mở quán nước giải khát tại nhà

thuộc ấp P, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh B. Nguyễn Đức L đang bị Công an thành phố T khởi tố về hành vi “đánh bạc” và được tại ngoại để điều tra.

Vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 15/5/2018, C, V1 và T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ngồi uống nước tại nhà của T, thì T rủ C, V1 và T2 đánh bài binh sập xám T1 thua bằng tiền. C, V1 và T2 đồng ý. T lấy 02 bộ bài tây 52 lá có sẵn ở nhà ra cùng với C, V1 và T2 chơi đánh bài.

Hình thức đánh bài như sau: Mỗi người làm cái 01 ván (xoay vòng tròn), mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng cho đến 100.000 đồng. Có 04 tụ chính, mỗi tụ 13 lá bài, mỗi bài binh làm 03 chi. Chi cuối và giữa có 5 lá bài, chi đầu có 3 lá bài. Cách thức tính T1 thua lớn nhất là bộ binh gồm: Tứ quý, sảnh rồng (như 1,2,3,4,5 cùng màu, cùng chất, ba cái sảnh, ba cái tùng, sáu đôi), tiếp đến là cù lũ (03 con giống nhau và một đôi), thùng (5 con cùng màu cùng chất), sảnh (theo thứ tự ví dụ: 5,6,7,8,9), xám cô (03 con giống nhau) hai đôi đến một đôi. Nhà cái T1 hai chi là T1 số tiền con bạc đặt và ngược lại. Tỷ lệ đặt cược là 1:1.

T2 làm cái được 02 lần thì nghỉ. T1 đến và thế chỗ của T2. Đánh được 02 ván thì có L đến, T1 nhường chỗ cho L. T1 qua ngồi cùng với V1 làm một tụ. V1 đặt ké tụ của T1 mỗi ván 20.000 đồng. Cả nhóm đánh bạc cho đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì C1 đến và ngồi phía sau C. C1 đặt ké tụ của C 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng thì huê vốn. C và C1 bàn bạc góp tiền lại chơi đánh bạc mỗi người bỏ ra 400.000 đồng, T1 thua chia đều. C1 đồng ý nhưng chưa bỏ tiền ra. C1 bốc bài chính còn C ngồi phía sau của C1. Cả nhóm đánh bài đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ:

- Trên chiếu bạc gồm: Số tiền mặt là 7.900.000 đồng và 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen biển số 61G1-28331, trong cốp xe có số tiền 3.360.000 đồng của Nguyễn Thị C.

- Thu giữ trên người của Đặng Xuân C1 số tiền là 2.900.000 đồng.

- Thu giữ trên người của Võ Bích T số tiền là 1.900.000 đồng.

- Thu giữ trên người của Nguyễn Hồng T1 số tiền là 3.130.000 đồng.

- Thu giữ trên người của Nguyễn Đức L số tiền là 1.330.000 đồng.

- Thu giữ trên người của Võ Văn V1 số tiền là 15.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1, Đặng Xuân C1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

- Võ Bích T khai mang theo 1.700.000 đồng dùng để đánh bạc. T lấy ra 200.000 đồng, còn 1.500.000 đồng để trong túi khi nào thua hết 200.000 đồng thì lấy ra chơi tiếp. T đã T1 200.000 đồng. Khi bị bắt, T bị thu giữ số tiền 1.900.000 đồng.

- Võ Văn V1 khai mang theo 70.000 đồng (mua kẹo hết 5.000 đồng), đã thua 50.000 đồng. Khi bị bắt, bị thu giữ số tiền 15.000 đồng.

- Nguyễn Hồng T1 khai mang theo 3.000.000 đồng để đánh bạc, đã T1 130.000 đồng. Khi bị bắt bị thu giữ số tiền 3.130.000 đồng.

- Đặng Xuân C1 khai mang theo 2.900.000 đồng. Trong đó 1.800.000 đồng dùng để mua máy cắt, còn 1.100.000 đồng để đánh bạc, không ăn không thua. Bị thu giữ số tiền 2.900.000 đồng.

- Nguyễn Đức L khai mang theo 8.830.000 đồng. L lấy 1.330.000 đồng đánh bạc còn 7.500.000 đồng để ở túi quần sau. Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của L 1.330.000 đồng. Còn 7.500.000 đồng L ném ra phía sau nên bị thu giữ trong số tiền thu giữ trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị C khai mang theo 3.760.000 đồng. C lấy 400.000 đồng đánh bạc. Còn 3.360.000 đồng C bỏ trong cốp xe. Khi đánh bài không ăn không thua. Số tiền 400.000 đồng nằm trong số tiền bị thu giữ trên chiếu bạc.

Tổng số tiền T, V1, T1, C1, L, C dùng để đánh bạc là 15.375.000 đồng, gồm: 7.900.000 đồng tiền trên chiếu bạc và 7.475.000 đồng tiền các bị can dùng để đánh bạc.

Ngày 15/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử lý vật chứng số 240/QĐ và đã giao trả tài sản 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen biển số 61G1-28331 cho Nguyễn Văn Bình là chồng của Nguyễn Thị C, là chủ sở hữu hợp pháp. Anh Bình không có yêu cầu gì khác.

Đối với số tiền các bị cáo không sử dụng để đánh bạc là 5.160.000 đồng, trong đó có 1.800.000 đồng của Đặng Xuân C1 và 3.360.000 đồng của Nguyễn Thị C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã chuyển cho Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Bến Cát để quản thủ thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 13/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B truy tố các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1, Đặng Xuân C1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Võ Bích T số tiền từ 15.000.0000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn V1 số tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.0000 đồng (mười lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T1 số tiền từ 15.000.0000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C1 số tiền từ 12.000.0000 đồng (mười hai triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.0000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L mức án từ 16 tháng (mười sáu tháng) đến 18 tháng (mười tám tháng) tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 15.375.000 đồng (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); tuyên quản thủ số tiền 5.160.000 đồng (năm triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các bị cáo không phát biểu ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Từ khoảng 13 giờ 40 phút đến 15 giờ 30 phút, ngày 15/5/2018, tại ấp P, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh B, các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1 và

Đặng Xuân C1 có hành vi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức bài binh sập xám T1 thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.375.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.375.000 đồng (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi đánh bạc dưới hình thức T1 thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương, đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 13/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Võ Bích T là người đề xuất, rủ rê các bị cáo Nguyễn Thị C, Võ Văn V1 thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1 cùng đến tham gia.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều có T2 độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; riêng bị cáo Nguyễn Thị C có cha là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo Nguyễn Đức L: Ngày 21/6/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một xử phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử

thách 29 tháng 18 ngày về tội: “Đánh bạc” theo Bản án số 94/2010/HSST, đã chấp hành xong án phí ngày 03/7/2015. Ngày 23/01/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một xử phạt 12 tháng tù về tội: “Đánh bạc” theo Bản án số 20/2014/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2014, chấp hành xong án phí ngày 21/3/2014. Ngày 05/9/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T khởi tố về tội: “Đánh bạc” và được tại ngoại để điều tra. Trong thời gian tại ngoại, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc tại thị xã Bến Cát và bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2018 cho đến nay.

[5] Xét thấy, các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Hồng T1 và Đặng Xuân C1.

[6] Đối với đối tượng tên T2 không rõ nhân thân, lai lịch. Hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Vision màu đen biển số 61G1-28331 là tài sản cá nhân của anh Nguyễn Văn B. Anh B cho vợ là bị cáo Nguyễn Thị C mượn xe làm phương tiện đi lại nhưng không biết C sử dụng làm phương tiện để đi đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã giao trả xe mô tô trên cho anh B là có căn cứ.

- Đối với 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với số tiền 15.375.000 đồng, trong đó có 7.900.000 đồng tiền thu giữ trên chiếu bạc và 7.475.000 đồng tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Xét đây là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với số tiền 5.160.000 đồng, trong đó có: 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Đặng Xuân C1 và 3.360.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị C. Xét đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1, Đặng Xuân C1 phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Võ Bích T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Võ Văn V1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T1 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C1 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L 16 tháng (mười sáu tháng) tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/5/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh B).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 15.375.000 đồng (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Quản thủ số tiền 5.160.000 đồng (năm triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó có: 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Đặng Xuân C1 và 3.360.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị C để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo giấy nộp tiền vào Tài khoản số 3949.0.1046035.00000 tại Kho bạc Nhà nước thị xã Bến Cát, tỉnh B các ngày 28/8/2018 và 31/8/2018).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Bích T, Nguyễn Thị C, Võ Văn V1, Nguyễn Đức L, Nguyễn Hồng T1, Đặng Xuân C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên